

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-ST

Ngày: 29-8-2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Anh

2. Ông Lê Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng N; địa chỉ: XL, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh huyện M - Phòng giao dịch T (Theo Quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Ngân hàng N). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, chị Nguyễn Thị T2; cùng địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Anh T vắng mặt, chị T2 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2022, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Theo phương án sử dụng vốn phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh ngày 15/9/2017 của anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị T2, Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M, tỉnh Quảng Ngãi - Phòng giao dịch T đã ký kết hồ sơ vay vốn số 4502LAV201702995 ngày 15/9/2017 với anh Lê Văn T, chị Nguyễn Thị T2 để cho anh T, chị T2 vay số tiền 100.000.000đồng; thời hạn vay là 36 tháng

kể từ ngày 15/9/2017; lãi suất cho vay là 10%/năm. Khi cho vay không có tài sản bảo đảm.

Khi đến hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, anh T và chị T2 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận. Nay anh T và chị T2 đã ly hôn và không ai chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng N yêu cầu anh Lê Văn T, chị Nguyễn Thị T2 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 29/8/2022 là 115.818.267đồng.

Kể từ ngày 30/8/2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 4502LAV201702995 ngày 15/9/2017.

Theo bản tự khai đề ngày 20/4/2022, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị Nguyễn Thị T2 trình bày:

Vào ngày 15/9/2017, chị và anh Lê Văn T có vay của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M, tỉnh Quảng Ngãi - Phòng giao dịch T số tiền 100.000.000 đồng. Nay ngân hàng yêu cầu chị và anh T trả số tiền nợ tính đến ngày 29/8/2022 là 115.818.267đồng thì chị đồng ý.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lê Văn T nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án; không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu anh Lê Văn T, chị Nguyễn Thị T2 trả nợ vay của Ngân hàng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M, tỉnh Quảng Ngãi - Phòng giao dịch T thì anh Lê Văn T, chị Nguyễn Thị T2 cư trú tại Thôn X, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Khi Ngân hàng khởi kiện thì chị T2 vẫn cư trú tại địa chỉ trên, còn anh T thì đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho Ngân hàng biết. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Bị đơn anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ quy định tại

khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ hợp đồng tín dụng số 4502LAV201702995 ngày 15/9/2017 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M, tỉnh Quảng Ngãi - Phòng giao dịch T với anh Lê Văn T, chị Nguyễn Thị T2 có căn cứ xác định: Anh T và chị T2 có vay của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện M, tỉnh Quảng Ngãi - Phòng giao dịch T số tiền 100.000.000đồng, lãi suất 10%/năm. Ngân hàng đã giải ngân cho anh T, chị T2 nhận số tiền trên vào ngày 15/9/2017.

[2.2] Tuy nhiên, khi đến thời hạn trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng anh T, chị T2 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, yêu cầu anh T, chị T2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng anh T, chị T2 vẫn không thực hiện.

[2.3] Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập được, có căn cứ xác định: Từ khi vay tiền đến nay, anh Lê Văn T, chị Nguyễn Thị T2 mới trả được số tiền nợ gốc cho Ngân hàng là 15.845.513 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/8/2022) thì anh T, chị T2 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 115.818.267đồng, trong đó: Nợ gốc là 84.154.487đồng; nợ lãi trong hạn là 23.346.630đồng; nợ lãi quá hạn là 8.317.150đồng. Do đó, Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu anh T, chị T2 trả cho Ngân hàng số tiền trên là có căn cứ, phù hợp với những nội dung các bên đã cam kết trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp và phù hợp với quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Do khoản nợ nêu trên là khoản nợ chung của anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị T2 trong thời kỳ hôn nhân nên anh T và chị T2 phải có nghĩa vụ chung đối với khoản nợ nêu trên. Tuy nhiên, vào năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức đã xét xử cho chị T2 và anh T ly hôn (theo bản án số 37/2019/HNGĐ-ST ngày 21/11/2019) nên anh T và chị T2 mỗi người phải có nghĩa vụ trả ½ khoản nợ trên cho Ngân hàng, cụ thể: Anh T và chị T2, mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N 57.909.133đồng.

[3] Về án phí: Anh Lê Văn T, chị Nguyễn Thị T2, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 57.909.133đồng x 5% = 2.895.400đồng.

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.727.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 37

của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc anh Lê Văn T, chị Nguyễn Thị T2 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/8/2022) là 115.818.267 đồng (một trăm mười lăm triệu tám trăm mười tám nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó:

- Anh Lê Văn T phải có nghĩa vụ trả số tiền 57.909.133 đồng (năm mươi bảy triệu chín trăm linh chín nghìn một trăm ba mươi ba đồng);

- Chị Nguyễn Thị T2 phải có nghĩa vụ trả số tiền 57.909.133 đồng (năm mươi bảy triệu chín trăm linh chín nghìn một trăm ba mươi ba đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 4502LAV201702995 ngày 15/9/2017.

3. Về án phí: Anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị T2, mỗi người phải chịu 2.895.400 đồng (hai triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.727.000 đồng (hai triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002345 ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Về quyền kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn chị Nguyễn Thị T2 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong

